

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **122/2021/HS-ST**
Ngày: 20/10/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Thoa
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ngô Rạng Đông
2. Bà Nguyễn Hồng Tươi
- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Chung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên tòa:
Ông Sơn Thái Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 94/2021/TLST - HS ngày 29 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2021/QĐXXST – HS ngày 14 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Hữu C (S), sinh năm 1994; - Giới tính: Nam;

Tại: Hà Nội;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã A, huyện M, thành phố Hà Nội;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Hữu C1 (sống) và bà Phạm Thị K (sống);

Anh chị em ruột: 02 người, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1990

Vợ: Hà Thị Quỳnh A, sinh năm 1998;

Con: 01 người, sinh năm 2020;

Tiền án, tiền sự: không;

Tạm giữ, tạm giam: không

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phan Trung C, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp O, xã C, thành phố Phú Quốc, Kiên Giang

2. Bà Lê Thị L, sinh năm 1965

Địa chỉ: Ấp S, xã D, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

3. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1963

Địa chỉ: Khu phố 3, phường A, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
(Tất cả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 26/4/2019, Nguyễn Hữu C cho bà Lê Thị L vay số tiền 300.000.000 đồng, với điều kiện là vợ chồng bà Lê Thị L – Nguyễn Văn S phải ủy quyền cho Nguyễn Hữu C quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 111, tờ bản đồ số 59, tọa lạc tại Khu phố N, thị trấn A (nay là phường A), huyện Phú Quốc (nay là thành phố Phú Quốc), tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số C số vào sổ cấp GCN: CS 107557 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 05/01/2019 mang tên hộ bà Lê Thị L và ông Nguyễn Văn S.

Ngày 27/4/2019 hai bên ký hợp đồng ủy quyền số 00094, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng N. Các bên thỏa thuận thời hạn vay là 24 tháng, nếu trong thời hạn vay bà L trả hết tiền gốc và tiền lãi thì hai bên sẽ ra công chứng hủy hợp đồng ủy quyền và C trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C cho vợ chồng bà L. Trường hợp quá thời hạn vay mà vợ chồng bà L không trả hết tiền gốc và tiền lãi thì thửa đất trên sẽ thuộc quyền sử dụng của C. Hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay 03 tháng đầu 03%/tháng, từ tháng thứ tư trở về sau là 1,67%/tháng.

Ngày 08/8/2019, C chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C của vợ chồng bà L, ông S cho ông Phan Trung C để nhận số tiền 1.400.000.000 đồng, C đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng số C này cho ông C giữ (ông C chưa sang tên).

Tháng 10/2019, vợ chồng bà L trả hết tiền gốc cho C và trả tiền lãi 06 tháng là 42.000.000 đồng gồm 3 tháng đầu là 9.000.000đ/tháng, 3 tháng sau là 5.000.000đ/tháng (lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự), nhưng C không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả lại cho bà L. Lúc này, C lên trang mạng Google liên lạc với một người đàn ông (chưa rõ nhân thân) đặt làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để trả cho bà L, tiền thuê làm giấy là 6.000.000 đồng, C gửi ảnh chụp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C bản gốc gửi qua mạng Zalo cho người đàn ông để lấy thông tin làm giấy giả. Ngày 06/10/2019, C nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C giả từ nhân viên Shipper (chưa rõ nhân thân) và mang giấy giả này trả cho vợ chồng bà L, sau đó ông C đến xem đất của bà L thì bị bà L phát hiện và tố giác. Ngày 20/4/2021, Nguyễn Hữu C bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Phú Quốc khởi tố cầm đi khỏi nơi cư trú để điều tra.

*** Thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:**

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C, thửa đất số 111, tờ bản đồ số 59, địa chỉ: Khu phố 3, phường A, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, diện tích 90,4 m² do hộ bà Lê Thị L, sinh năm 1965, CMND số: 370435586, và ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1963, CMND số: 370133647, cùng cư trú: Khu phố 3, phường A, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đứng tên quyền sử dụng đất, bản chính, đã trao trả cho chủ sở hữu (người giao Phan Trung C);

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Lê Thị L, sinh năm 1965 và ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1963, địa chỉ: Khu phố 3, phường A, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đứng tên quyền sử dụng, số seri: C, tờ bản đồ số 59, diện tích 90,4 m²;

- 01 hợp đồng ủy quyền số 00094.2019/HĐUQ; Quyền số 02 TP/CC – SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng N;

- 01 giấy xác nhận nợ tên Nguyễn Hữu C, địa chỉ: An M, Mỹ Đ, Hà Nội, ngày 28/4/2019;

- 01 giấy thỏa thuận ngày 26/4/2019 có chữ viết và chữ ký đọc được của ông Nguyễn Hữu C;

- 01 giấy biên nhận ngày 06/10/2019 có chữ viết và chữ ký đọc được của ông Nguyễn Hữu C;

Các tài liệu trên do bà Lê Thị L giao nộp và được lưu giữ trong hồ sơ vụ án

* **Tại bản Kết luận giám định số 470/KL-KTHS** ngày 01/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang kết luận:

1. Chữ ký dạng chữ viết “C” mang tên Nguyễn Hữu C và chữ viết ghi họ tên “Nguyễn Hữu C” trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1 và A2 so với chữ ký dạng chữ viết “Chiến” mang tên Nguyễn Hữu C và chữ viết ghi họ tên “Nguyễn Hữu C” trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người ký và viết ra.

2. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Nguyễn Hữu C và chữ viết ghi họ tên “Nguyễn Hữu C” (dưới mục: “Ký tên”) trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ ký mang tên Nguyễn Hữu C và chữ viết ghi họ tên “Nguyễn Hữu C” trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M6 đến M10 có phải do cùng một người ký và viết ra hay không.

* **Tại bản Kết luận giám định số 450/KL-KTHS** ngày 03/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: C (ký hiệu A) do bà Lê Thị L giao nộp là giả.

* **Tại bản Kết luận giám định số 772/KL-KTHS** ngày 21/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: C (ký hiệu A) do ông Phan Trung C giao nộp là thật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về các kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang.

Bản cáo trạng số: 96/CT-VKSPQ ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu C về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Hữu C về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, không khấu trừ thu nhập của bị cáo vì bị cáo không có nguồn thu nhập ổn định.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C (bản chính) do ông Phan Trung C giao nộp, đã trả cho bà Lý, đề nghị HĐXX không xem xét.

Các tài liệu do bà L giao nộp cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án gồm:

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Lê Thị L, sinh năm 1965 và ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1963, địa chỉ: Khu phố 3, phường A, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đứng tên quyền sử dụng, số seri: C, tờ bản đồ số 59, diện tích 90,4 m² (được xác định là giấy giả);

- 01 hợp đồng ủy quyền số 00094.2019/HĐUQ; Quyền số 02 TP/CC – SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng N;

- 01 giấy xác nhận nợ tên Nguyễn Hữu C, địa chỉ: An M, Mỹ Đ, Hà Nội, ngày 28/4/2019;

- 01 giấy thỏa thuận ngày 26/4/2019 có chữ viết và chữ ký đọc được của ông Nguyễn Hữu C;

- 01 giấy biên nhận ngày 06/10/2019 có chữ viết và chữ ký đọc được của ông Nguyễn Hữu C.

Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Trung C đã nhận đủ số tiền 1.400.000.000 (một tỷ bốn trăm triệu) đồng và không yêu cầu gì thêm. Bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn S đã nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính và không yêu cầu bồi thường gì, đề nghị HĐXX không xem xét.

Đối với người nhận làm giấy tờ giả cho Nguyễn Hữu C chưa rõ nhân thân, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xử lý sau.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì đối với bản cáo trạng của Viện kiểm sát, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã công bố và không tranh luận gì đối với quyết định truy tố cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Phú Quốc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào ngày 26/4/2019, vợ chồng bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn S vay của Nguyễn Hữu C số tiền 300.000.000 đồng, điều kiện cho vay là vợ chồng bà L, ông S ủy quyền cho C quyền sử dụng thửa đất theo giấy CNQSDĐ số C và giao giấy CNQSDĐ này cho C giữ, thời hạn vay là 24 tháng, hết thời hạn vay tiền C phải trả lại giấy CNQSDĐ cho bà L, ông S. Tuy nhiên, thời hạn vay chưa được 04 tháng, vào ngày 08/8/2019, C đã chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng thửa đất của vợ chồng bà L cho ông Phan Trung C và giao giấy CNQSDĐ cho ông C để nhận số tiền 1,4 tỷ đồng. Đến tháng 10/2019, bà L trả hết tiền gốc, tiền lãi đã vay cho C là 42.000.000 đồng nhưng Chiến không có giấy đất giao trả cho bà L nên C lên mạng Google liên lạc với một người đàn ông đặt làm 01 giấy CNQSDĐ số C giả để trả lại cho bà L. Sau khi nhận được giấy CNQSDĐ và có việc ông C đến xem đất nên bà Lý nghi ngờ giấy giả và đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phú Quốc (nay là thành phố Phú Quốc) kiểm tra thì được biết đây là giấy giả nên đã báo Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Phú Quốc (nay là thành phố Phú Quốc) để làm rõ.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của những người liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Hữu C phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật và có mức hình phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

[3]. Về tính chất mức độ hành vi phạm tội: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức được hành vi làm giả, sử dụng giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức là trái pháp luật xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của nhà nước, của tổ chức trong lĩnh vực quản lý con dấu, tài liệu. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm mất trật tự trị an và gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân, tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là sai và vi phạm pháp luật, nên cần xử bị cáo một mức án nghiêm trọng xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đối với số tiền bị cáo chuyển nhượng đất cho ông Phan Trung C là 1,4 tỷ đồng thì bị cáo đã khắc phục hậu quả trả đủ cho ông Chuẩn. Vợ chồng bà L, ông S đã nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) do ông C giao trả, ông C và bà L đều có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, về nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình cho bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng:

Cần lưu giữ các tài liệu do bà Lê Thị L giao nộp để trong hồ sơ vụ án vì đây là chứng cứ gồm:

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Lê Thị L, sinh năm 1965 và ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1963, địa chỉ: Khu phố 3, phường A, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đứng tên quyền sử dụng, số sêri: C, tờ bản đồ số 59, diện tích 90,4 m² (giấy giả);

- 01 hợp đồng ủy quyền số 00094.2019/HĐUQ; Quyền số 02 TP/CC – SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng N;

- 01 giấy xác nhận nợ tên Nguyễn Hữu C, địa chỉ: An M, Mỹ Đ, Hà Nội, ngày 28/4/2019;

- 01 giấy thỏa thuận ngày 26/4/2019 có chữ viết và chữ ký đọc được của ông Nguyễn Hữu C;

- 01 giấy biên nhận ngày 06/10/2019 có chữ viết và chữ ký đọc được của ông Nguyễn Hữu C.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Trung C đã nhận đủ số tiền 1.400.000.000 (một tỷ bốn trăm triệu) đồng và không yêu cầu gì thêm. Bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn S đã nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) và không yêu cầu bồi thường gì nên HĐXX không xem xét.

[7]. Về quan điểm của Viện kiểm sát: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc về tội danh, mức hình phạt, trách nhiệm bồi thường, xử lý vật chứng đối với bị cáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

[8]. Về vấn đề khác: Đối với người nhận làm giấy tờ giả cho Nguyễn Hữu C chưa rõ nhân thân, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xử lý sau.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,
QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng pháp luật:

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

2/ Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Hữu C (S)** phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Xử phạt **Nguyễn Hữu C (S): 30.000.000** (ba mươi triệu) đồng.

3/ Về xử lý vật chứng: Cần lưu giữ các tài liệu do bà Lê Thị L giao nộp để trong hồ sơ vụ án vì đây là chứng cứ gồm:

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Lê Thị L, sinh năm 1965 và ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1963, địa chỉ: Khu phố 3, phường A, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đứng tên quyền sử dụng, số seri: C, tờ bản đồ số 59, diện tích 90,4 m² (giấy giả);

- 01 hợp đồng ủy quyền số 00094.2019/HĐUQ; Quyền số 02 TP/CC – SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng N;

- 01 giấy xác nhận nợ tên Nguyễn Hữu C, địa chỉ: An M, Mỹ Đ, Hà Nội, ngày 28/4/2019;

- 01 giấy thỏa thuận ngày 26/4/2019 có chữ viết và chữ ký đọc được của ông Nguyễn Hữu C;

- 01 giấy biên nhận ngày 06/10/2019 có chữ viết và chữ ký đọc được của ông Nguyễn Hữu C.

4/ Về trách nhiệm dân sự: Ông Phan Trung C và bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn S đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

5/ Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6/ Quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Phú Quốc;
- Chi cục T.H.A Dân sự thành phố Phú Quốc;
- Nhà tạm giữ CA thành phố Phú Quốc;
- Đội tổng hợp Công an thành phố Phú Quốc;
- Bị cáo; Người LQ;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Kim Thoa